

Số: 2264 /QĐ-UBND

Lạng Giang, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thanh,
huyện Lạng Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/5.000)**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định và quản lý quy hoạch đô thị; Số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; Số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định Số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: Số 81/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc Ban hành quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Số 940/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000); Số 292/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Lạng Giang; Số 1021/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 về việc điều chỉnh chương trình phát triển đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 2870/SXD-QHKT ngày 03/10/2023 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/5.000);

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 08/06/2023 của UBND huyện Lạng Giang về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thanh huyện Lạng Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/5.000).

Theo đề nghị của UBND xã Tân Thanh tại Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 14/11/2023; Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo số 1384/BC-KTHT ngày 22/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/5.000), gồm các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án, phạm vi nghiên cứu, ranh giới lập quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/5.000).

1.2. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch :

- Phạm vi: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Tân Thanh
- Ranh giới cụ thể như sau:
 - + Phía Bắc: Giáp xã Tiên Lục;
 - + Phía Nam: Giáp xã Mỹ Thái và thị trấn Vôi;
 - + Phía Đông: Giáp xã Hương Lạc, xã Yên Mỹ và thị trấn Vôi;
 - + Phía Tây: Giáp xã Dương Đức.
- Quy mô, dân số:
 - + Dân số hiện trạng là khoảng 10.556 người, dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 13.500 người;
 - + Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 1.632,84 ha.

2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000) tại Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Tân Thanh đến năm 2040.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Xây dựng mô hình tổ chức không gian, hình thành các khu chức năng đáp ứng các nhu cầu phát triển và khai thác quỹ đất của xã.

- Định hướng tổ chức khu trung tâm xã, khu dân cư mới, công trình công cộng; Định hướng khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, khu vực sản xuất nông lâm nghiệp và các khu chức năng khác trên địa bàn xã nhằm đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả, gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng đến năm 2040.

- Gắn kết chặt chẽ với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn xã để phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư nguồn lực thực hiện, phân kỳ đầu tư các giai đoạn từ 2023-2030 và 2031-2040.

- Xây dựng Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã, làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư và là cơ sở để các cơ quan chính quyền địa phương tổ chức quản lý, kiểm soát phát triển theo quy hoạch đã được duyệt và quy định của pháp luật.

3. Động lực phát triển kinh tế chủ đạo của xã: Xã Tân Thanh có chức năng kinh tế chủ đạo là vùng phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản tập trung ứng dụng công nghệ cao, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Nâng cao các tiêu chí các tiêu chí nông thôn mới, xây dựng xã Tân Thanh đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

4. Quy mô dân số, lao động: Dự báo dân số đến năm 2040 là khoảng 13.500 người. Dự báo số người trong độ tuổi lao động đến năm 2040 khoảng 7.425 lao động.

5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu: Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đề án: Tuân thủ nhiệm vụ quy hoạch được UBND huyện phê duyệt; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật và các quy chuẩn, văn bản pháp lý hiện hành.

6. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã:

6.1. Định hướng tổ chức không gian khu trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo thôn:

a. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã:

- Tận dụng và chỉnh trang các công trình và hệ thống cơ sở hạ tầng hiện có, khai thác triệt để cảnh quan môi trường, địa hình, tránh san ủi nhiều gây xáo trộn lớn.

- Bố trí các công trình công cộng theo hướng tập trung tạo kết nối không gian phục vụ công cộng và là điểm nhấn không gian xã.

- Định hướng cụ thể: Khu trung tâm xã nằm trên trục đường huyện QH04, là trung tâm hành chính, tập trung các công trình cấp xã như Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã, trụ sở công an, các công trình văn hóa, thể thao, đất công cộng, khuôn viên cây xanh, đất ở...

b. Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc các khu dân cư mới:

- Khu vực các điểm dân cư nông thôn cũ: Giữ hệ thống 12 thôn trên địa bàn xã, các khu dân cư chủ yếu được giữ nguyên, bổ sung, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật;

Phát triển các khu dân cư mới kết nối với các khu dân cư hiện có, đảm bảo nhu cầu phát triển về đất ở và dịch vụ hỗn hợp. Các khu dân cư, dịch vụ hỗn hợp quy hoạch mới gồm các khu chính như: Khu dân cư Mải Hạ; Khu dân cư công UBND xã Tân Thanh; Khu dân cư Tuấn Mỹ; Khu dân cư thôn Thuận,...

6.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ:

- a. Công trình trụ sở cơ quan hành chính nhà nước và khu chức năng khác:
- Quy hoạch mới trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã, diện tích khoảng 1,6ha, nằm trong khu trung tâm xã mới cạnh trục đường quy hoạch QH04;
 - Quy hoạch mới trụ sở Công an xã, với diện tích khoảng 0,12ha, nằm trong khu trung tâm xã mới cạnh trục đường quy hoạch QH04;
 - Quy hoạch mới đất trụ sở quân sự nằm tại thôn Tuấn Mỹ, diện tích khoảng 1,0ha;
 - Quy hoạch mới Bưu điện xã nằm trong khu trung tâm xã, diện tích khoảng 0,05ha;
- b. Khu trung tâm văn hóa - thể thao, sinh hoạt cộng đồng:
- Nhà văn hóa xã: Quy hoạch mới nằm trong khuôn viên trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND;
 - Khu thể thao xã nằm trong khu trung tâm xã mới, diện tích khoảng 1,0ha;
 - Quy hoạch mới khu vui chơi, dịch vụ nằm tại thôn Tuấn Mỹ, diện tích khoảng 4,11 ha;
 - Khu trung tâm văn hóa thôn, xóm: Một số nhà văn hóa, khu trung tâm văn hóa thôn giữ nguyên hiện trạng và quy hoạch chuyển vị trí một số nhà văn hóa, khu trung tâm văn hóa thôn, khu vực sinh hoạt cộng đồng. Cải tạo nâng cấp và xây mới các nhà văn hóa đảm bảo theo tiêu chuẩn, mở rộng không gian văn hóa, cải tạo nâng cấp không gian thể thao cộng đồng tại các thôn.
- c. Công trình y tế: Cải tạo nâng cấp công trình trạm y tế hiện trạng, diện tích khoảng 0,19ha.
- d. Công trình giáo dục:
- Trường mầm non: Quy hoạch mới trường Mầm non xã diện tích khoảng 2,14 ha trong khu dân cư thôn Mải Hạ;
 - Trường tiểu học: Quy hoạch mở rộng trường tiểu học thêm khoảng 0,56ha, diện tích sau mở rộng là 1,91ha; (vị trí tại thôn Nguộn);
 - Trường trung học cơ sở: Quy hoạch mở rộng trường THCS thêm khoảng 1,24ha, tổng diện tích sau mở rộng khoảng 2,17ha.
- e. Công trình thương mại dịch vụ:
- Quy hoạch mới điểm thương mại dịch vụ tại Khu dân cư Mải Hạ, diện tích khoảng 1,53ha.
 - Quy hoạch mới điểm thương mại dịch vụ thôn Chùa Hà, diện tích khoảng 10,12ha;
 - Quy hoạch mới điểm thương mại dịch vụ nằm tại ngã 5 trên trục đường ĐT.398B, diện tích khoảng 7,37ha;
 - Quy hoạch mới điểm thương mại dịch vụ trong khu trung tâm xã mới, diện tích khoảng 1,2ha.
 - Quy hoạch mới chợ xã tại thôn Tuấn Mỹ, diện tích khoảng 1,0 ha.

f. Công trình tôn giáo, tín ngưỡng: Bảo tồn, tôn tạo, chỉnh trang các công trình di tích, tôn giáo, đình đền chùa và mở rộng khuôn viên cảnh quan để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng và tham quan của nhân dân.

6.3. Định hướng tổ chức các khu sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp:

a. Khu vực sản xuất nông nghiệp: Quy hoạch các phân vùng nông nghiệp trên địa bàn xã theo hướng chuyên canh và áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

- Vùng trồng lúa: quy hoạch một số vùng chuyên canh trồng lúa trồng các giống lúa chất lượng cao phù hợp với địa phương áp dụng khoa học công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nằm tại các khu vực thôn Nguộn, thôn Đông, thôn Tê, thôn Tuấn Mỹ, thôn Tuấn Thịnh... tổng diện tích khoảng 194ha;

- Vùng trồng cây ăn quả: Quy hoạch, cải tạo các khu các vực trồng cây ăn quả trên địa bàn xã diện tích khoảng 90ha tại các thôn Châu, thôn Tê, thôn Thuận,... trồng các cây đặc sản của địa phương và các loại cây ăn quả khác; nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn OCOP;

- Vùng nuôi trồng thủy sản: Phát triển nuôi trồng thủy sản tại khu vực thôn Thuận, thôn Chùa Hà, thôn Tê,... duy trì diện tích các ao, hồ nuôi trồng thủy sản trong toàn xã;

- Vùng chăn nuôi: Phát triển thêm các khu chăn nuôi tập trung đảm bảo vệ sinh môi trường, các khu nông nghiệp công nghệ cao,...

- Quy hoạch mới khu đất nông nghiệp khác phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thôn Nguộn, thôn Tuấn Thịnh... diện tích khoảng 50ha;

b. Khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; phục vụ sản xuất nông nghiệp:

- Phát huy hiệu quả các mô hình sản xuất phi nông nghiệp hiện trạng, những cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp không gây ô nhiễm môi trường có thể bố trí trong khu ở, tại các nhà phụ của từng hộ gia đình;

- Quy hoạch khu đất sản xuất phi nông nghiệp tại thôn Tê diện tích khoảng 2,49 ha.

- Quy hoạch khu đất sản xuất phi nông nghiệp tại thôn Chùa Hà diện tích khoảng 7,02 ha.

- Quy hoạch khu đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhỏ nằm trên địa bàn xã.

6.4. Định hướng tổ chức các khu chức năng khác theo quy hoạch cấp trên:

- Cập nhật quy hoạch Vùng huyện Lạng Giang, quy hoạch điểm tiểu thủ công nghiệp tập trung nằm cạnh trục đường ĐT.398B diện tích khoảng 98,51ha;

- Quy hoạch khu đất nông nghiệp khác là khu vực vườn ươm tại thôn Thuận, diện tích khoảng 4,6ha;

- Quy hoạch điểm mở phục vụ khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng san lấp tại khu vực thôn Mải Hạ.

7. Quy hoạch sử dụng đất

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Stt	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng	Tỷ lệ (%)	Giai đoạn 2023-2030	Tỷ lệ (%)	Giai đoạn 2031-2040	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích hành chính		1.632,84	100,00	1.633,84	100,00	1.634,84	100,00
1	Đất nông nghiệp	1.384,95	84,82	1.261,03	77,18	1.158,92	70,89
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	917,21	56,17	783,64	47,96	673,12	41,17
1.2	Đất lâm nghiệp	413,93	25,35	380,28	23,28	361,26	22,10
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	53,81	3,30	62,11	3,80	74,54	4,56
1.4	Đất làm muối	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,00	0,00	35,00	2,14	50,00	3,06
2	Đất xây dựng	241,83	14,81	367,75	22,51	470,66	28,79
2.1	Đất ở	87,12	5,34	91,42	5,60	95,95	5,87
2.2	Đất công cộng	5,70	0,35	14,70	0,90	14,70	0,90
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	2,85	0,17	12,39	0,76	12,39	0,76
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	1,92	0,12	2,17	0,13	2,17	0,13
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	3,28	0,20	44,77	2,74	108,95	6,66
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	4,08	0,25	4,08	0,25	4,08	0,25
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,00	0,00	16,50	1,01	21,22	1,30
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	96,57	5,91	139,49	8,54	168,97	10,34
2.8.1	Đất giao thông	90,04	5,51	122,14	7,48	146,57	8,97
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,00	0,00	3,65	0,22	3,65	0,22

Stt	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng	Tỷ lệ (%)	Giai đoạn 2023-2030	Tỷ lệ (%)	Giai đoạn 2031-2040	Tỷ lệ (%)
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	6,53	0,40	6,63	0,41	11,69	0,72
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,00	0,00	7,07	0,43	7,07	0,43
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	22,44	1,37	23,24	1,42	23,24	1,42
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	17,87	1,09	18,99	1,16	18,99	1,16
3	Đất khác	6,06	0,37	4,06	0,25	3,25	0,20
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	3,25	0,20	3,25	0,20	3,25	0,20
3.2	Đất chưa sử dụng	2,81	0,17	0,81	0,05	0,00	0,00

8. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Định hướng quy hoạch giao thông:

a. Hệ thống đường đối ngoại:

- Các tuyến đường tỉnh 295, 292B, 293B, 398B: Cập nhật theo quy hoạch cấp trên, đạt tối thiểu đường cấp III đồng bằng;

- Tuyến đường huyện ĐH04: Cập nhật theo quy hoạch cấp trên, đạt tối thiểu đường cấp II đồng bằng;

- Quy hoạch mới, đầu tư xây dựng, cải tạo các tuyến đường huyện, đường liên xã, trục xã, quy mô tối thiểu đường cấp IV đồng bằng.

b. Hệ thống đường đối nội:

- Đường liên thôn, trục thôn: Quy hoạch mới và nâng cấp, cải tạo tuyến trục chính với lộ giới 16,5-17,5 m, trong đó nền đường từ 6,5-7,5m, hành lang an toàn giao thông mỗi bên 5m, 100% tuyến có hệ thống rãnh thoát nước, bảo đảm không ngập lụt;

- Đường ngõ xóm: Hệ thống đường ngõ xóm nâng cấp, cải tạo và bê tông hóa với nền đường 5,0m trở lên, 100% tuyến có hệ thống rãnh thoát nước, bảo đảm tiêu thoát nước và không ngập úng.

c. Bãi đỗ xe:

- Quy hoạch bãi đỗ xe tại thôn Tuấn Mỹ cạnh trục đường ĐT.295, diện tích khoảng 3,0 ha;

- Quy hoạch bãi đỗ xe tại thôn Tê, cạnh trục đường ĐT.398B, diện tích khoảng 3,0ha;

- Quy hoạch bãi đỗ xe tại khu dân cư thôn Mải Hạ, diện tích khoảng 0,73 ha;
- Quy hoạch mới một số bãi đỗ xe tỉnh tại các thôn.

8.2. Cao độ nền:

- Đối với các thôn hiện đã có mật độ xây dựng tương đối ổn định, khi xây dựng xen kẽ, bổ sung thêm công trình hoặc cải tạo nâng cấp công trình cũ cần khống chế cao độ nền, đảm bảo sự kết hợp hài hoà và không làm ảnh hưởng đến nền chung khu vực;

- Đối với các khu vực dự kiến phát triển, do chủ yếu là nền ruộng lúa, màu nên phải đắp nền. Cao độ khống chế nền xây dựng lấy cao hơn cốt nền đường từ 0,2 - 0,3m. Độ dốc nền sau khi cải tạo: $i > 0,002$, hướng dốc nền về phía hệ thống cống thoát nước.

8.3. Định hướng quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước sạch cấp cho khu vực lập quy hoạch được lấy từ nguồn nước sạch tại nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang;

- Tổng nhu cầu cấp nước cho toàn xã đến năm 2030 khoảng 3.551,49 m³/ng.đêm; đến năm 2040 khoảng 4.480,01 m³/ng.đêm.

8.4. Định hướng quy hoạch thoát nước:

* Thoát nước mặt:

- Nước mưa được thu gom và đầu nối với hệ thống thoát nước dọc theo tuyến đường huyện, đường xã, liên xã, đường thôn, liên thôn, đường nội bộ và thoát về lưu vực khe suối, ao hồ;

- Hướng thoát nước chính của xã từ Đông Bắc xuống Tây Nam sau đó thoát qua ngòi Bùng, điểm cuối thoát ra sông Thương;

* *Thoát nước thải:* Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại, không được xả nước ra ao, hồ, kênh rạch, sông suối tự nhiên...

8.5. Định hướng quy hoạch cấp điện: Nguồn cấp điện cho khu vực quy hoạch được lấy từ mạng lưới điện Quốc gia cung cấp thông qua trạm biến áp 110kV Đồi Cốc.

* *Dự báo phụ tải điện:* Tổng công suất của 19 trạm biến áp hiện trạng là 3.840 KVA.

- Nhu cầu cấp điện sinh hoạt cho toàn xã là: Công suất đến năm 2030 khoảng 5.424,8 KW/ng.đ; công suất đến năm 2040 khoảng 6.425,2 KW/ng.đ.

- Nhu cầu cấp điện công nghiệp cho toàn xã là: Công suất đến năm 2030 khoảng 5.870,2 KW/ng.đ; công suất đến năm 2040 khoảng 8.386,0 KW/ng.đ.

* Quy hoạch cấp điện:

- Quy hoạch cấp điện sinh hoạt và công nghiệp: Nâng công suất 19 trạm biến áp hiện trạng và xây dựng mới 09 trạm biến áp, nâng tổng công suất toàn xã lên 16.600 KVA, đảm bảo cấp điện an toàn và liên tục cho xã.

8.6. Định hướng quy hoạch nghĩa trang, rác thải, môi trường:

* Quy hoạch nghĩa trang:

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Thuận, diện tích sau mở rộng khoảng 2,67 ha;

- Quy hoạch nghĩa trang tập trung tại thôn Mải Hạ, diện tích khoảng 4,63ha;

- Đóng cửa các nghĩa địa, nghĩa trang hiện hữu không đủ khoảng cách an toàn vệ sinh tới các khu chức năng, dân cư, ảnh hưởng tới nguồn nước. Tiến hành di dời các mộ phần nằm trong khu dân cư về nghĩa trang tập trung.

* Quy hoạch quản lý chất thải rắn, vệ sinh môi trường:

- Xử lý CTR sinh hoạt: Dự báo tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh đến năm 2040 khoảng 13 tấn/ngày đêm;

- Quy hoạch bổ sung các điểm tập kết rác thải sinh hoạt tại các thôn với bán kính phục vụ theo quy định. Mở rộng điểm tập kết rác thôn Tê diện tích khoảng 1,94 ha. Quy hoạch mới các điểm thu gom rác nhỏ lẻ tại các thôn, diện tích khoảng 1,71 ha. Rác thải sau đó được chuyển đến khu xử lý chung của huyện;

- Đối với CTR công nghiệp: Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có điểm lưu giữ CTR công nghiệp và xử lý sơ bộ theo quy định về quản lý CTR công nghiệp. Việc xử lý triệt để CTR sản xuất sẽ được thực hiện theo quy định;

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng (như: gạch vỡ, bê tông,...), đất đá khai thác không đủ tiêu chuẩn làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng tiến hành xử lý, phân loại, tái chế,... tại các bãi tập kết chất thải theo đúng quy định.

- Đối với đất nạo vét lớp đất mặt-đất hữu cơ, đất dư thừa không tận dụng lại được tại công trình, phát sinh trong quá trình xây dựng công trình tổ chức tập kết, quản lý tại các khu vườn ươm được quy hoạch.

9. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

9.1. Các dự án hạ tầng kỹ thuật:

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống giao thông;

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi;

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp lưới điện;

- Dự án xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt.

9.2. Các dự án hạ tầng xã hội:

- Dự án xây dựng trụ sở làm việc và các công trình khu trung tâm xã;

- Dự án xây dựng nhà văn hóa trung tâm và khu thể thao trung tâm xã;

- Dự án xây dựng, cải tạo, chỉnh trang nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao các thôn;

- Dự án đầu tư trang thiết bị cho các công trình cơ quan, trường học và văn hóa.

9.3. Các lĩnh vực ưu tiên đầu tư:

- Đầu tư cho công tác triển khai quy hoạch chung xây dựng xã;
- Đầu tư cho công tác lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn;
- Đầu tư cho công tác nâng cấp hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn;
- Đầu tư cho công tác phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất;
- Đầu tư cho công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực;
- Đầu tư cho công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

9.4. Kế hoạch thực hiện:

a. Giai đoạn đến 2030:

- Hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch được duyệt;
- Nâng cấp, cải tạo 70% đường giao thông trục xã, trục thôn, ngõ xóm;
- Đường trục chính nội đồng: Kiên cố hóa bê tông mặt đường và kè đường nội đồng đạt 70%;
- Nâng cấp chỉnh trang các điểm di tích, tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã;
- Nâng cấp kiên cố hóa 70% kênh mương cấp 3 trên địa bàn xã;
- Xây dựng mới khu trung tâm xã;
- Xây mới nhà văn hóa trung tâm xã;
- Xây dựng mới 70% trên tổng số các công trình thương mại dịch vụ;
- Xây dựng mới 70% trên tổng số các dự án cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã;
- Nghiên cứu cải tạo xây dựng hệ thống ao hồ tạo dựng các công viên cây xanh, mặt nước tập chung;
- Mở rộng diện tích và xây dựng mới nhà văn hóa các thôn;
- Hỗ trợ nâng cấp, tu sửa nhà cửa đã xuống cấp hoặc hư hỏng cho nhưng hộ gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo, người già neo đơn,...
- Xây dựng khu chăn nuôi tập trung.

b. Giai đoạn 2031 - 2040:

- Nâng cấp, cải tạo đạt 100% đường giao thông trục xã, trục thôn, ngõ xóm;
- Đường trục chính nội đồng: Kiên cố hóa bê tông mặt đường và kè đường nội đồng đạt 100%;
- Nâng cấp kiên cố hóa đến 100% kênh mương cấp 3 còn lại trên địa bàn xã;
- Xây dựng hoàn thiện các giai đoạn còn lại của điểm dân cư và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong “Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/5.000)” ban hành kèm theo Quyết định này.

(Có Quy định quản lý theo đồ án kèm theo hồ sơ quy hoạch)

Điều 2. UBND xã Tân Thanh có trách nhiệm công bố quy hoạch, quản lý quy hoạch, tổ chức thực hiện quy hoạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa và Thông tin, Y tế, Kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch UBND xã Tân Thanh và các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, TH;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Thân Hải Nam